TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2019/DS-ST
Ngày: 16/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bùi Tường Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Lê Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 428/2018/TLST-DS ngày 11/12/2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-DS ngày 04/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 23/4/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; Địa chỉ trụ sở: số 266-268 đường N, Phường 08, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạnh D – Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1994 - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 393/2019/UQ-TTT ngày 01/01/2019) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số B9/10 đường số 47, khu phố 5, phường B, Quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng T (viết tắt là Ngân hàng TMCP T):

Ngày 17/9/2013, ông Lê Hữu T ký với Ngân hàng T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông T, nguyên đơn đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng Visa Credit Classic số 472074-7885 (lãi suất 2,15%/tháng) và Family Local Credit New 970403-7121 (lãi suất 2,5%/tháng) với hạn mức sử dụng chung là 40.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 38.700.000 đồng (Gồm thẻ Visa Credit Classic 472074-7885 là 18.700.000 đồng và thẻ Family Local Credit New 970403-7121 là 20.000.000 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 46.952.434 đồng (Cụ thể thẻ Visa Credit Classic 472074-7885 là 20.225.434 đồng và thẻ Family Local Credit New 970403-7121 là 26.697.000 đồng), số tiền gốc còn thiếu là 27.228.438 đồng ông T không chịu thanh toán cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T không có thiện chí trả nợ. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/3/2017 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay nguyên đơn, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Toà án có hiệu lực cho nguyên đơn toàn bộ khoản nợ tới hạn tính đến ngày 16/5/2019 là 53.002.312 đồng (Năm mươi ba triệu không trăm lẻ hai ngàn ba trăm mười hai đồng), trong đó đối với thẻ Visa Credit Classic 472074-7885 là 20.199.482 đồng (Nợ gốc 10.847.360 đồng, nợ lãi quá hạn 9.352.122 đồng), đối với thẻ Family Local Credit New 970403-7121 là 32.802.830 đồng (Nợ gốc 16.381.078 đồng, nợ lãi quá hạn 16.421.752 đồng). Ngoài ra, ông T còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/5/2019 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Ngân hàng T không có yêu cầu đối với ai khác và không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày ở trên.

Bị đơn, ông Lê Hữu T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ).

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng T về việc buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi quá hạn làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bị đơn, ông Lê Hữu T trả lại số tiền đã vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn, ông Lê Hữu T có địa chỉ cư ngụ tại Quận 7 nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn, ông Lê Hữu T đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn liên tục vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Theo kết quả xác minh của Công an phường Bình Thuận, Quận 7 tại Phiếu yêu cầu xác minh số 06/2019/PYCXM ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì ông Lê Hữu T, sinh năm 1971 có thường trú tại B9/10

đường 47, khu phố 5, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư trú tại địa phương, không rõ đi đâu.

Như vậy, việc ông T cố tình không đến Tòa tham gia tố tụng là đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Nguyên đơn, Ngân hàng T yêu cầu ông Lê Hữu T trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 16/5/2019 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 17/9/2013 là 53.002.312 đồng (năm mươi ba triệu không trăm lẻ hai ngàn ba trăm mười hai đồng), cụ thể:

- Đối với thẻ Visa Credit Classic số 472074-7885 là 20.199.482 đồng (hai mươi triệu một trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 10.847.360 đồng (mười triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi đồng), Lãi quá hạn: 9.352.122 đồng (chín triệu ba trăm năm mươi hai ngàn một trăm hai mươi hai đồng).

- Đối với thẻ Family Local Credit New số 970403-7121 là 32.802.830 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm lẻ hai ngàn tám trăm ba mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 16.381.078 đồng (mười sáu triệu ba trăm tám mươi mốt ngàn không trăm bảy mươi tám đồng), Lãi quá hạn: 16.421.752 đồng (mười sáu triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 17/9/2013 và các bảng sao kê đối với thẻ Visa Credit Classic số 472074-7885 và thẻ Family Local Credit New số 472074-7885 xác định ông Lê Hữu T có vay Ngân hàng T theo hai thẻ tín dụng này để tiêu dùng cá nhân, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T chưa thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn dù đã hết hạn thanh toán và đã được nguyên đơn nhắc nhở nhiều lần.

Căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn" và tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" thì ông Lê Hữu T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay theo thỏa

thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/9/2013, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa Ngân hàng T và ông Lê Hữu T đối với thẻ Visa Credit Classic số 472074-7885 và thẻ Family Local Credit New số 472074-7885 nên việc nguyên đơn khởi kiện buộc ông T phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại và lãi quá hạn là có cơ sở.

[4.2] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi quá hạn một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu tính lãi chậm trả: Ngân hàng yêu cầu ông Lê Hữu T còn phải có trách nhiệm trả lãi trên số tiền gốc còn thiếu theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 17/9/2013 đối với hai thẻ tín dụng trên kể từ ngày 17/5/2019 cho đến khi trả hết số nợ trên. Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn, ông Lê Hữu T có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn, Ngân hàng Tnên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn, Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn, Ngân hàng T và bị đơn, ông Lê Hữu T.

2. Về nội dung:

Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng T.

Buộc ông Lê Hữu T phải trả cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 16/5/2019 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 17/9/2013 là 53.002.312 đồng (năm mươi ba triệu không trăm lẻ hai ngàn ba trăm mười hai đồng), cụ thể:

- Đối với thẻ Visa Credit Classic số 472074-7885 là 20.199.482 đồng (hai mươi triệu một trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 10.847.360 đồng (mười triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi đồng), Lãi quá hạn: 9.352.122 đồng (chín triệu ba trăm năm mươi hai ngàn một trăm hai mươi hai đồng).

- Đối với thẻ Family số 970403-7121 là 32.802.830 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm lẻ hai ngàn tám trăm ba mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 16.381.078 đồng (mười sáu triệu ba trăm tám mươi mốt ngàn không trăm bảy mươi tám đồng), Lãi quá hạn: 16.421.752 đồng (mười sáu triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Ông Lê Hữu T có nghĩa vụ trả số tiền 53.002.312 đồng (năm mươi ba triệu không trăm lẻ hai ngàn ba trăm mười hai đồng) cho Ngân hàng T làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Lê Hữu T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng T trên số tiền nợ gốc còn thiếu theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/9/2013 kể từ ngày 17/5/2019 cho đến khi trả hết số nợ trên.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn, ông Lê Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.650.116 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn một trăm mười sáu đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.104.116 đồng (một triệu một trăm lẻ bốn ngàn một trăm mười sáu đồng) theo biên lai số AA/2017/0026408 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân